

Biểu mẫu 10

SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO TIỀN GIANG
TRƯỜNG THPT BÌNH PHÚC NHÚT

THÔNG BÁO

Công khai thông tin chất lượng giáo dục thực tế của trường trung học cơ sở và trường trung học phổ thông, năm học 2023 -2024

STT	Nội dung	Tổng số	Chia ra theo khối lớp		
			Lớp 10 (TT22)	Lớp 11(TT22)	Lớp 12
I	Số học sinh chia theo hạnh kiểm	1005	350	345	310
1	Tốt (tỷ lệ so với tổng số)		Tốt: 283 (80.86%)	296 (85.80%)	287 (92.59%)
2	Khá (tỷ lệ so với tổng số)		Khá: 51 (14.57%)	Khá: 42 (12.17%)	09 (2.9%)
3	Trung bình (tỷ lệ so với tổng số)		Đạt: 07 (2.00%)	Đạt: 04 (1.16%)	14 (4.52%)
4	Yếu (tỷ lệ so với tổng số)		Chưa đạt: 09 (2.57%)	Chưa đạt: 03 (0.87%)	00 (00%)
II	Số học sinh chia theo học lực	1005	350	345	310
1	Giỏi (tỷ lệ so với tổng số)		Tốt: 120 (34.28%)	Tốt: 206 (59.70%)	198 (63.87%)
2	Khá (tỷ lệ so với tổng số)		Khá: 161 (46%)	Khá: 128 (37.1%)	110 (35.48%)
3	Trung bình (tỷ lệ so với tổng số)		Đạt: 68 (19.43%)	Đạt: 11 (3.19%)	02 (0.65%)
4	Yếu (tỷ lệ so với tổng số)		Chưa đạt: 01 (0.29%)	Chưa đạt: 00 (00%)	00 (00%)
5	Kém (tỷ lệ so với tổng số)				00 (00%)
III	Tổng hợp kết quả cuối năm				
1	Lên lớp (tỷ lệ so với tổng số)		341/350 (99.43%)	342/345 (99.137%)	310/310 (100%)
a	Học sinh giỏi (tỷ lệ so với tổng số)		115 (32.86%)	197 (32.52%)	193 (62.26%)
b	Học sinh tiên tiến (tỷ lệ so với tổng số)				102 (32.9%)
2	Thi lại (tỷ lệ so với tổng số)		01 (0.29 %)	00 (0.00%)	00
3	Lưu ban (tỷ lệ so với tổng số)		00 (00%)	00 (00.%)	00
4	Chuyển trường đến/đi (tỷ lệ so với tổng số)		01/01 (0.29%/0.29%)	00/01 (00%/0.29%)	01/00 (0.32%/0.0%)
5	Bị đuổi học (tỷ lệ so với tổng số)		00 (00%)	00 (00%)	00 (00%)
6	Bỏ học trong năm học		10	07	02

	(tỷ lệ so với tổng số)		(2.8%)	(1.99%)	(0.64%)
IV	Số học sinh đạt giải các kỳ thi học sinh giỏi				
1	Cấp huyện	00			
2	Cấp tỉnh/thành phố	00			
3	Quốc gia, khu vực một số nước, quốc tế	00			
V	Số học sinh dự xét hoặc dự thi tốt nghiệp	310			310
VI	Số học sinh được công nhận tốt nghiệp				
1	Giỏi (tỷ lệ so với tổng số)	0			0
2	Khá (tỷ lệ so với tổng số)				
3	Trung bình (Tỷ lệ so với tổng số)				
VII	Số học sinh thi đỗ đại học, cao đẳng (tỷ lệ so với tổng số)				
VIII	Số học sinh nam/số học sinh nữ	521/484	184/166	178/167	159/151
IX	Số học sinh dân tộc thiểu số	01/1005	01	00	00



Cho Giáo, ngày 20 tháng 6 năm 2024

HIỆP TRƯỞNG

Lê Văn Quang